ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI TẠI VƯỜN QUỐC GIA CÁT BÀ

Lê Thị Ngân[1], Đồng Thanh Hải[2]

TÓM TẮT

Vườn Quốc gia (VQG) Cát Bà thuộc huyện Cát Hải, tỉnh Hải Phòng được đánh giá có tính đa dạng sinh học (ĐDSH) cao với nhiều loài động vật, thực vật quý hiếm và nhiều tiềm năng phát triển du lịch sinh thái (DLST). Tuy nhiên, khai thác du lịch ở đây mới chỉ dừng lại ở một số tuyến và điểm sẵn có chưa tận dụng được nhiều tiềm năng ĐDSH độc đáo của VQG Cát Bà. Các phương pháp đánh giá tài liệu thứ cấp, phương pháp phỏng vấn, phương pháp điều tra theo tuyến, ô tiêu chuẩn và công cụ SWOT được sử dụng trong nghiên cứu để thu thập số liệu hiện trạng ĐDSH, các tuyến DLST, nhằm đánh giá hiện trạng ĐDSH cũng như các khó khăn, thuận lợi cơ hội và thách thức phát triển DLST tại VQG Cát Bà, từ đó làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp phát triển bền vững DLST gắn với bảo tồn ĐDSH tại VQG. Kết quả của nghiên cứu xác định VQG Cát Bà có tiềm năng ĐDSH để phát triển DLST thể hiện qua số lượng các loài động vật, thực vật ghi nhận với 1.595 loài thực vật, 357 loài động vật và 9 kiểu thảm thực vật. Trong đó có nhiều loài quý hiếm như Voọc Cát Bà và Thạch sùng mí Cát Bà. Kết quả cũng đánh giá được những khó khăn cơ hội và thách thức để phát triển DLST và đề xuất được 6 giải pháp nhằm phát triển DLST gắn với bảo tồn ĐDSH tại VQG Cát Bà.

Từ khóa: *Du lịch sinh thái, đa dạng sinh học, Vườn Quốc gia Cát Bà.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trên thế giới, sự phát triển của ngành du lịch ngày càng tăng nhanh trong những thập kỷ gần đây và đang trở thành một trong những hoạt động kinh tế quan trọng của một số quốc gia và trên toàn thế giới, nó đã mang lại rất nhiều lợi ích cho quốc gia, cũng như địa phương. Du lịch và môi trường có mối quan hệ rất mật thiết với nhau, du lịch chỉ có thể tồn tại khi có môi trường tốt cả về tự nhiên và văn hoá xã hội. Các Vườn Quốc gia (VQG), khu bảo tồn (KBT) là những khu vực đầy tiềm năng, thuận lợi đáp ứng được những yêu cầu đó cho phát triển nhiều loại hình du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái (DLST) [23], [24].

Tại Việt Nam, ngay khi các VQG được thành lập, các cộng đồng dân cư sống gần hoặc ở ngay tại vùng đệm của VQG vốn phụ thuộc vào tài nguyên trong VQG bị cấm hoặc hạn chế khai thác lâm sản; một phần lớn diện tích ruộng đất, ao, vườn, nương rẫy của họ bị thu hẹp. Để bù đắp những thiệt thòi này, nhiều chính sách và dự án phát triển đã được thực hiện nhằm hỗ trợ và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân [19]. Trong đó, nhiều dự án phát triển du lịch đã và đang được triển khai trên hầu hết các KBT và các VQG ở Việt Nam. Tuy nhiên, vẫn chưa thu hút được đông đảo cộng đồng địa phương tham gia vào các loại hình DLST này. Do vậy, sự đóng góp của hoạt động du lịch đối với đời sống của các cộng đồng vùng đệm và mục tiêu bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH) chưa thực sự hiệu quả và tương xứng với tiềm năng vốn có của nó [4], [20].

VQG Cát Bà được thành lập từ năm 1986, có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch [18], [25]. Tại đây có các hệ sinh thái tự nhiên điển hình với sự phong phú về thành phần, số lượng các loài sinh vật quý hiếm, đặc hữu. Với cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ của rừng và biển, Cát Bà còn có mối quan hệ chặt chẽ, tồn tại lâu đời, hài hòa với những giá trị lịch sử cách mạng, văn hóa đã tạo nên cho nơi đây một hình ảnh đặc sắc riêng hiếm thấy, có giá trị to lớn về du lịch. VQG Cát Bà có chức năng bảo tồn sự ĐDSH nên việc đầu tư cho phát triển du lịch chưa được quan tâm đúng mức, chưa phát huy được vai trò của DLST dựa trên cộng đồng gắn với bảo tồn thiên nhiên [25]. Lượng khách du lịch tăng nhanh hàng năm, nhưng dịch vụ chưa phát triển, chưa hấp dẫn. Hiện nay một số chính sách và nguồn ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động DLST của cộng đồng và bảo tồn còn hạn

[1] Ban Tuyên giáo Trung ương
[2] Trường Đại học Lâm nghiệp

chế, chưa đáp ứng cho hoạt động của VQG Cát Bà, gây ảnh hưởng tới hoạt động bảo tồn, cũng như thái độ của cộng đồng đối với DLST. Do đó đòi hỏi phải có những biện pháp khai thác hợp lý tiềm năng, tạo ra nguồn thu phục vụ cho các hoạt động chuyên môn của VQG Cát Bà, kết hợp chia sẻ lợi ích với cộng đồng, để thúc đẩy cộng đồng tham gia vào DLST gắn với bảo vệ tài nguyên thiên nhiên [10]. Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm đánh giá hiện trạng phát triển DLST tại VQG Cát Bà làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp phát triển DLST gắn với bảo tồn ĐDSH tại VQG Cát Bà.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp đánh giá tài liệu thứ cấp

Trước khi triển khai thực địa, đã tiến hành thu thập, rà soát và đánh giá các tài liệu có liên quan đến nội dung thực hiện. Mục đích của hoạt động này là nhằm xác định các khoảng trống của các nghiên cứu trước đây cũng như kế thừa một số kết quả nghiên cứu về thành phần loài động vật, thực vật, diện tích sử dụng đất tại VQG Cát Bà.

2.2. Phương pháp phỏng vấn

Tổng số có 90 phiếu phỏng vấn được thực hiện trong quá trình điều tra thực địa. Trong đó, số phiếu phỏng vấn thực hiện với người dân là 35 phiếu, 20 phiếu phỏng vấn cán bộ quản lý, 35 phiếu phỏng vấn khách du lịch. Đối tượng phỏng vấn được lựa chọn ngẫu nhiên từ người dân của xã Gia Luận và Việt Hải, cán bộ VQG Cát Bà và khách du lịch tham quan tại VQG. Các cuộc phỏng vấn được thực hiện vào tháng 5 đến tháng 9 trong các năm 2018, 2019 và tháng 5, 6 năm 2020.

Mục đích của phỏng vấn là đánh giá tiềm năng, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong phát triển DLST của VQG Cát Bà. Phiếu phỏng vấn được thiết kế dưới dạng câu hỏi bán định hướng và câu hỏi mở. Câu hỏi ngắn gọn, rõ ràng, các câu hỏi có tính liên kết. Nội dung phiếu hỏi được xây dựng phù hợp với từng đối tượng phỏng vấn, với từng đối tượng điều tra phỏng vấn khác nhau một số nội dung trong phiếu phỏng vấn khác nhau.

2.3. Phương pháp điều tra, đánh giá ĐDSH

Nghiên cứu về tính đa dạng thành phần loài động vật, thực vật được tiến hành từ tháng 11 năm 2016 đến 9 năm 2020. Nghiên cứu này chỉ tập trung làm rõ tính đa dạng của các nhóm loài động vật trên cạn bao gồm: thú, chim, bò sát lưỡng cư và côn trùng. Phương pháp điều tra theo tuyến và ô tiêu chuẩn được sử dụng để thu thập các số liệu liên quan, cụ thể như sau:

- Phương pháp điều tra theo tuyến: được sử dụng để điều tra thành phần loài động vật, thực vật tại VQG Cát Bà. Tổng số có 93 tuyến điều tra với tổng chiều dài khoảng 187 km đã được thiết lập trong khu vực nghiên cứu. Người điều tra tiến hành đi trên tuyến với tốc độ 1 -1,5 km/h. Khi bắt gặp bất cứ loài động vật nào, các thông tin sau được ghi lại: Tên loài, vị trí bắt gặp, sinh cảnh. Các loài được định danh theo các tài liệu: Wilson và Reader (2005) [27], Nguyễn Xuân Đặng (2009) [16], Đặng Huy Huỳnh và cs. (1994) [11], Lê Vũ Khôi (2000) [14] đối với thú; Nguyễn Cử và cs (2005) [17] đối với chim; Nguyễn Văn Sáng *et al.* (2009) [22], Uetz và Hošek (2020) [26], Forst (2020) [12] đối với bò sát và lưỡng cư; Nguyễn Viết Tùng (2006) [21] đối với côn trùng.

- Phương pháp ô tiêu chuẩn (OTC): Trên 93 tuyến điều tra tiến hành lập 126 ô tiêu chuẩn với diện tích 1.000 m^2 (50 x 20 m). Trong mỗi ô tiêu chuẩn, tất cả các loài thực vật xuất hiện đã được ghi nhận và định danh. Tất cả các thông tin về ô tiêu chuẩn được ghi vào biểu mẫu điều tra chuẩn bị trước bao gồm: tuyến điều tra hoặc ô điều tra, khu vực điều tra, tên loài có trên tuyến và ô tiêu chuẩn. Tên loài được định danh theo Lê Trần Chấn và cộng sự (1999) [15].

Tình trạng bảo tồn của các loài động, thực vật được tra cứu tại các tài liệu và văn bản quy phạm pháp luật sau: Sách Đỏ Việt Nam (2007) [2], [3]; Danh lục Đỏ IUCN năm 2020 [13]; Nghị định 06/2019/NĐ - CP [6]; Công ước Quốc tế về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã (CITES) [9]; Nghị định 64/2019/NĐ - CP [8].

2.4. Phương pháp phân tích, xử lý thông tin, số liệu

Các thông tin, số liệu thu thập được trong quá trình phỏng vấn, điều tra thực địa trên các tuyến điều tra, OTC được xử lý, phân tích bằng phần mềm SPSS 15.0.

Phân tích SWOT (viết tắt của Strengths (Điểm mạnh), Weaknesses (Điểm yếu), Opportunities (Cơ hội), Threats (Thách thức)) được sử dụng để lấy ý kiến của người dân, cán bộ của VQG Cát Bà,… nhằm đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức trong phát triển DLST. Những mâu thuẫn tiềm ẩn về quyền lợi, lợi ích kinh tế, xã hội, môi trường, sinh thái trong bảo tồn ĐDSH.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đánh giá tiềm năng ĐDSH

3.1.1. Sự đa dạng các kiểu thảm thực vật rừng

Cát Bà nằm trong khu vực xen kẽ giữa núi đất và núi đá vôi, với sự tác động tổng hợp, nhiều mặt của điều kiện tự nhiên khu vực hải đảo, cùng sự tác động của các điều kiện kinh tế -xã hội, nên các kiểu thảm thực vật rừng và các kiểu thảm nông nghiệp trong khu vực tương đối đa dạng. Tổng diện tích đất có thảm thực vật che phủ là 15.510 ha, tỷ lệ phân bổ diện tích các kiểu thảm thực vật trong khu vực quần đảo Cát Bà được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1. Diện tích các kiểu thảm thực vật tại đảo Cát Bà

TT	Cơ cấu các loại thảm	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Rừng nguyên sinh thường xanh mưa ẩm trên núi đá vôi	1045,2	6,74
2	Rừng thứ sinh nghèo thường xanh mưa ẩm trên núi đá vôi	4900,2	31,59
3	Rừng thường xanh mưa ẩm phục hồi trên núi đá vôi	8,1	0,052
4	Rừng ngập nước trên thung núi đá vôi	3,6	0,023
5	Rừng phụ thứ sinh tre nứa phục hồi sau nương rẫy	41,6	0,27
6	Cây bụi, cây tái sinh trên núi đá vôi	8016,7	51,68
7	Trảng cây bụi, cây tái sinh trên núi đất	506,7	3,26
8	Rừng trồng	355,4	2,29
9	Rừng ngập mặn	632,5	4,07

Nguồn: Theo kết quả rà soát quy hoạch 3 loại rừng của thành phố Hải Phòng (2015)

Bảng 1 cho thấy, tiêu biểu nhất trong các kiểu thảm ở quần đảo Cát Bà là kiểu rừng kín thường xanh mưa ẩm trên núi đá vôi, và kiểu thảm rừng cây ngập mặn ven biển, cửa sông. Ngoài ra, trong khu vực cũng đã xuất hiện một số kiểu thảm đặc thù và khá hiếm hoi đó là kiểu thảm cây ngập nước trên núi cao (loài cây hầu như chỉ phân bố ở miền Tây Nam bộ).

Hình 1. Cảnh quan thảm cây ngập nước trên núi cao

(Ảnh: Đồng Thanh Hải)

Ngoài các kiểu thảm thực vật rừng, chiếm vai trò chủ đạo còn có kiểu thảm cây trồng nông nghiệp. Loại thảm này bao gồm: rừng trồng, cây nông nghiệp cây ăn quả, cây lâu năm.

3.1.2. Sự đa dạng khu hệ thực vật

Tổng số 1.595 loài thực vật bậc cao, thuộc 853 chi, 188 họ, 5 ngành thực vật đã được ghi nhận tại VQG Cát Bà (Bảng 2). Trong đó, có 10 loài thực vật được ghi nhận mới bổ sung cho danh lục thực vật VQG Cát Bà. Đặc biệt có họ Ngũ vị (Schisandraceae) là họ thực vật ghi nhận phân bố mới với duy nhất loài Ngũ vị nam (*Kadsura coccinea*).

Bảng 2. Đa dạng thành phần loài thực vật VQG Cát Bà

Ngành thực vật	Số họ	Số chi	Số loài
Thạch tùng (Lycopodiophyta)	2	3	6
Tháp bút (Equisetophyta)	1	1	1
Dương xỉ (Polypodiophyta)	16	32	63
Thông (Pinophyta)	6	14	24
Mộc lan (Magnoliophyta)	163	803	1.501
- Lớp Ngọc lan (Magnoliopsida)	*131*	*669*	*1.268*
- Lớp Hành (Liliopsida)	*32*	*134*	*233*
Tổng số	188	853	1.595

Bảng 2 cho thấy, trong 5 ngành thực vật phân bố tại VQG Cát Bà, ngành Mộc lan (Magnoliophyta) có số lượng loài cao nhất với 1.501 loài, chiếm 94,1% tổng số loài ghi nhận tại khu vực nghiên cứu, tiếp đến ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) với 63 loài, chiếm 3,9%. Ngành có số lượng loài ít nhất là Cỏ tháp bút (Equisetophyta) với 1 loài, chỉ chiếm 0,06%.

Về giá trị bảo tồn của khu hệ thực vật, có 70 loài thực vật (chiếm 4,2% tổng số loài thực vật tại VQG Cát Bà) được pháp luật Việt Nam và quốc tế bảo vệ. Trong đó có 54 loài được xếp hạng từ cấp sẽ nguy cấp (VU) đến cấp rất nguy cấp (CR) trong Sách Đỏ Việt Nam. Có 13 loài được xếp hạng trong Danh lục Đỏ IUCN, trong đó có loài Trầm hương (*Aquilaria crassna*) được xếp hạng ở cấp CR (Rất nguy cấp). Có 19 loài được liệt kê trong Nghị định 06/2019/NĐ - CP, trong đó có 2 loài nằm trong phụ lục IA (nhóm các loài nghiêm cấm khai thác, buôn bán vì mục đích thương mại và các loài thuộc Phụ lục I CITES có phân bố tự nhiên tại Việt Nam) là Lan hài đốm *(Paphiopedium concolor)*; Kim tuyến đá vôi (*Anoectochilus calcareus)*.

Hình 2. Hình ảnh loài Lan hài đốm và Kim tuyến đá vôi

(Ảnh: Đồng Thanh Hải)

3.1.3. Sự đa dạng khu hệ động vật

Kết quả điều tra đã ghi nhận được 357 loài động vật có xương sống ở cạn tại VQG Cát Bà, trong đó lớp Thú có 63 loài thuộc 20 họ, 44 giống; lớp Chim có 209 loài thuộc 51 họ, 132 giống; lớp Bò sát có 58 loài thuộc 46 giống, 14 họ; lớp Lưỡng cư có 27 loài thuộc 15 giống, 7 họ (Bảng 3).

Bảng 3. Thành phần loài động vật tại VQG Cát Bà

TT	Lớp	Số họ	Số giống	Số loài
1	Thú	20	44	63
2	Chim	51	132	209
3	Bò sát	14	46	58
4	Lưỡng cư	7	15	27
	Tổng	92	237	357

Hình 3. Hình ảnh loài Voọc Cát Bà và Thạch sùng mí Cát Bà

(Ảnh Voọc Cát Bà: Đồng Thanh Hải và ảnh Thạch sùng mí Cát Bà: Nguyễn Xuân Khu)

Bảng 3 cho thấy, khu hệ động vật Cát Bà mang tính chất đặc trưng cho khu hệ động vật vùng Đông Bắc Việt Nam và có giá trị bảo tồn cao. Cụ thể, có 16 loài thú (chiếm 25,4% tổng số loài thú tại VQG Cát Bà), 26 loài chim và 13 loài bò sát đang bị đe doạ được pháp luật Việt Nam và quốc tế bảo vệ. Đặc biệt, đây là nơi trú ngụ của loài Voọc Cát Bà (*Trachypithecus poliocephalus*) và Thạch sùng mí

Cát Bà (*Goniurosaurus catbaensis*), loài Linh trưởng và bò sát đặc hữu của Việt Nam, hiện được thế giới đặc biệt quan tâm. Ngoài ra, nơi đây còn ghi nhận sự có mặt của 401 loài côn trùng thuộc 261 giống, 68 họ của 12 bộ tại khu vực tại VQG Cát Bà. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển loại hình du lịch xem động vật tại VQG Cát Bà.

3.2. Đánh giá về thực trạng các tuyến khai thác DLST

Kết quả điều tra cho thấy, có tổng số 16 tuyến DLST đang được khai thác tại VQG Cát Bà, trong đó có 9 tuyến DLST trên rừng và 7 tuyến DLST trên biển (Bảng 4). Nhìn chung, các tuyến du lịch còn khá đơn giản, chủ yếu vẫn là các tuyến đường mòn, chưa được xây dựng các điểm dừng nghỉ cũng như chưa có các biển chỉ dẫn và giới thiệu về các tuyến du lịch này.

Bảng 4. Hiện trạng tuyến DLST trên rừng tại VQG Cát Bà

TT	Tên tuyến	Độ dài	Vị trí	Mô tả
1	Trung tâm VQG - Rừng Kim giao - đỉnh Ngự Lâm	1,5 km	Phân khu PHST; BVNN	- Đường mòn phục vụ công tác quản lý và bảo vệ rừng - Chưa có điểm dừng nghỉ dành cho du khách - Chưa có biển giới thiệu về rừng Kim giao và đỉnh Ngự Lâm
2	Tuyến du lịch giáo dục môi trường	2 km	Phân khu BVNN	- Đường mòn có lát gạch bê tông phục vụ công tác bảo vệ rừng. - Chưa có điểm dừng nghỉ dành cho du khách - Chưa có biển giới thiệu về tuyến GDMT
3	Tuyến rừng ngập mặn - động Thiên Long	4 km	Phân khu PHST	- Đường cấp IV nông thôn. - Chưa có điểm dừng nghỉ dành cho du khách - Chưa có bảng thông tin dành cho du khách
4	Trung tâm vườn - Ao Ếch	6 km	Phân khu BVNN	- Đường mòn phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng kết hợp DLST, đi lại khó khăn - Chưa có bảng thông tin giới thiệu cho du khách - Chưa có điểm dừng nghỉ dành cho du khách
5	Tuyến Trung tâm VQG - Ao Ếch - Việt Hải	9 km	Phân khu PHST - BVNN và vùng đệm	- Đường mòn phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng kết hợp DLST - Chưa có điểm dừng nghỉ dành cho du khách - Chưa có bảng thông tin giới thiệu các hệ sinh thái trên tuyến - Đây là tuyến DLST được khách du lịch quốc tế đi nhiều
6	Trung tâm vườn - Mây Bầu - Động Quân y	6 km	Phân khu PHST - BVNN và vùng đệm	- Đường mòn phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng kết hợp DLST - Chưa có bảng thông tin hướng dẫn du khách - Chưa có điểm dừng nghỉ - Hiện tuyến này ít được khai thác do đường đi khó khăn

7	Tuyến Trung tâm VQG - Động Trung Trang	1,5 km	Phân khu PHST	- Đường nhựa do lợi dụng đường giao thông xuyên đảo. - Chưa có điểm dừng nghỉ liên tuyến dành cho du khách tại khu vực động. - Đây là tuyến được khai thác thường xuyên với lượng khách tham quan nhiều. Thời gian tham quan động khoảng 90 phút
8	Tuyến Trung tâm VQG - Vườn thực vật - Vườn thú - Hồ Hới	0,8 km	Phân khu PHST, HCDV	Đường cấp IV phục vụ việc đi lại của cán bộ nhân viên của VQG
9	Tuyến quan sát thú, chim (TT Vườn – Đồng Thài Lài; Tuyến GDMT – Mây Bầu)	5 km	Phân khu BVNN	- Đường mòn phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng kết hợp DLST - Chưa có điểm dừng nghỉ dành cho khách du lịch - Chưa có bảng thông tin dành cho du khách

Ghi chú: PHST - Phức hệ sinh thái; BVNN – Bảo vệ nghiêm ngặt; GDMT – Giáo dục môi trường; TT – Trung tâm; HCDV – Hành chính dịch vụ.

Với tiềm năng và lợi thế về biển, cộng thêm có nhiều cảnh quan đảo và hang động đẹp, ngoài các tuyến DLST trên cạn, VQG Cát Bà cũng đã triển khai các tuyến DLST trên biển. Có tổng số 7 tuyến DLST trên biển đang được khai thác và được trình bày ở bảng 5.

Bảng 5. Thực trạng khai thác các tuyến DLST biển tại VQG Cát Bà

TT	Tên tuyến	Thời gian (giờ)	Vị trí	Mô tả
1	Bến Cái Viềng - động Thiên Long	1,5	Phân khu PHST	- Khách du lịch di chuyển bằng thuyền qua rừng ngập mặn rồi đi bộ khoảng 10 phút đến động Thiên Long. - Cách trung tâm VQG 13 km, hoạt động tham quan du lịch chưa có sự quản lý chặt chẽ của VQG
2	Bến Bèo - vịnh Lan Hạ - Vạn Bội	3	Phân khu PHST	- Khách du lịch di chuyển bằng tàu tham quan, giải trí và tắm biển, chèo thuyền Kayak - Đây là tuyến du lịch thu hút được sự tham quan lớn nhất của khách du lịch trong khu vực
3	Bến Bèo - Đảo Cát Dứa (1, 2) - Sa Vạt	2	Phân khu PHST	- Khách du lịch di chuyển bằng tàu tham quan, giải trí, tắm biển - Du khách có thể ngắm khỉ tại đảo Cát Dứa
4	Gia Luận - Vạn Tà Bến Bèo - Vạn Tà	4	Phân khu PHST-BVNN	- Đây là tuyến DLST kết hợp tham quan, giải trí (chèo thuyền Kayak, tham quan hang Sáng, hang Tối, lặn biển). Khách du lịch cũng có thể đi từ Bến Bèo đến Vạn Tà tham quan, giải trí - Bên cạnh các hoạt động tham quan, giải trí, khách du lịch có thể ngắm Voọc Cát Bà tại khu vực này
5	Gia Luận - Áng Kê - Trà Báu	2	Phân khu PHST	- Đây là tuyến DLST kết hợp tham quan, giải trí (chèo thuyền Kayak) - Khách du lịch có thể tham quan các hệ sinh thái rừng, ngắm động vật.
6	Gia Luận - Áng Kê - hang Quả Vàng	3	Phân khu PHST-BVNN	- Đây là tuyến DLST kết hợp tham quan, giải trí (chèo thuyền Kayak, ngắm cảnh, tham quan hang động)

TT	Tên tuyến	Thời gian (giờ)	Vị trí	Mô tả
				- Đây là khu vực nhạy cảm do quần thể Voọc Cát Bà từ Giỏ Cùng thường xuyên di chuyển sang. Do đó việc phát triển DLST ở đây cần tuân thủ các nguyên tắc bảo tồn và nguyên tắc của du lịch bền vững
7	Bến Bèo - đảo Nam Cát	2	Phân khu PHST	Khách du lịch đi bằng tàu từ Bến Bèo đến đảo Nam Cát tắm biển, tham quan, giải trí (chèo thuyền Kayak)

Ngoài các tuyến du lịch đã và đang được khai thác, VQG Cát Bà còn có tiềm năng phát triển các tuyến DLST lồng ghép với hoạt động giáo dục bảo tồn như tuyến DLST Gia Luận - Vạn Tà; tuyến DLST Bến Bèo - Giỏ Cùng. Tuy nhiên, việc phát triển hoạt động DLST theo các tuyến này cần phải lập kế hoạch trên cơ sở đảm bảo tính bền vững của hoạt động bảo tồn tại khu vực nghiên cứu.

Hình 4. Hình ảnh đảo Cát Dứa và đảo Năm Cát

(Ảnh: Đồng Thanh Hải)

3.3. Đánh giá tiềm năng phát triển DLST tại VQG Cát Bà

Kết quả phân tích và tổng hợp thông tin từ tất cả các phiếu phỏng vấn và phỏng vấn trực tiếp cán bộ quản lý tại VQG Cát Bà, các chuyên gia được khái quát theo ma trận SWOT những điểm mạnh, điểm yếu, những cơ hội và thách thức trong phát triển DLST tại VQG Cát Bà như sau:

Điểm mạnh (S)	Điểm yếu (W)
- Vị trí địa lý thuận lợi - Có lợi thế về biển, đảo - Có tiềm năng ĐDSH, đặc biệt các loài động vật, thực vật quý hiếm - Vườn có cảnh quan thiên nhiên đẹp, nhiều khu di tích lịch sử và cơ sở cách mạng,… - Đã xây dựng và đi vào hoạt động một số điểm, tuyến DLST đến những nơi có người dân đang sinh sống - Đang dần có sự hỗ trợ đầu tư của các tổ chức trong và ngoài nước về tài chính, kỹ thuật, phương pháp và kinh nghiệm cho người dân - Cơ sở vật chất đã được đầu tư bài bản - Đã có bộ máy tổ chức chuyên trách về hoạt	- Hoạt động DLST tại địa bàn VQG Cát Bà hiện vẫn còn mang tính tự phát, chưa có sự thống nhất giữa Uỷ ban Nhân dân huyện, VQG Cát Bà và Khu dự trữ sinh quyển, do chưa có đề án quy hoạch phát triển DLST tổng thể - Các tuyến, điểm và các loại hình DLST chưa được khai thác hết, chưa đồng đều - Cơ chế chính sách về quản lý tài chính, phát triển cơ sở hạ tầng, cơ chế quản lý phân khu chức năng,…còn hạn chế - Việc thu gom và xử lý rác thải chưa tốt, cùng với ý thức giữ gìn của một bộ phận khách du lịch còn kém, đã gây ảnh hưởng xấu đến môi trường - Lực lượng các bộ quản lý về DLST còn thiếu về nhân lực, kiến thức chuyên môn, trang thiết bị còn hạn

động DLST, kênh thông tin chỉ dẫn và quy chế hoạt động, nội quy tham quan, và thu phí tham quan thống nhất theo quy định	chế nên chưa đáp ứng được yêu cầu - Đa phần người dân tham gia hoạt động DLST còn thiếu vốn, kiến thức và kỹ năng hiểu biết về DLST - Các hoạt động lễ hội của cộng đồng địa phương, chưa được quảng bá rộng rãi
Cơ hội (O)	Thách thức (T)
- VQG Cát Bà là một phần của khu dự trữ sinh quyển, đồng thời có vị trí nằm sát với Khu Di sản thế giới vịnh Hạ Long nên có cơ hội thu hút một lượng lớn khách tham quan du lịch đến với Cát Bà - Đã có chủ trương phát triển VQG Cát Bà thành trọng điểm du lịch quốc gia - Người dân có cơ hội được liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước trong các hoạt động phát triển DLST - Hoạt động dịch vụ du lịch góp phần đáng kể vào nguồn thu ngân sách và kích thích phát triển kinh tế của địa phương - Cán bộ VQG có cơ hội đào tạo nâng cao trình độ phục vụ công tác chuyên môn - Người dân có cơ hội được học hỏi kiến thức và kỹ năng tham gia DLST, cơ hội được tiếp xúc và giao lưu giữa nhiều nền văn hóa khác nhau	- Bảo vệ môi trường và sự ĐDSH trước những nhu cầu phát triển du lịch và kinh tế xã hội sẽ là những thách thức lớn nhất đối với VQG Cát Bà - Người dân còn sống rải rác và len lỏi trong VQG nên việc quản lý rất khó khăn, đặc biệt là vấn đề săn, bắn thú rừng, đánh bắt thủy hải sản trái phép,… - Hoạt động sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy hải sản của người dân còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu cung cấp lương thực, thực phẩm phục vụ du lịch. Ngoài ra, các mặt hàng như đồ lưu niệm, đồ thủ công mỹ nghệ chưa được đa dạng và phát triển mạnh - Tác động tiêu cực về môi trường, văn hóa xã hội cũng gia tăng khi hoạt động du lịch phát triển mạnh mẽ như: Các tệ nạn xã hội, mất đi bản sắc văn hóa, chuẩn mực đạo đức của cộng đồng - Hoạt động DLST của người dân tham gia chỉ mang tính chất thời vụ

3.4. Một số giải pháp, đề xuất phát triển DLST bền vững

3.4.1. Giải pháp về quy hoạch

Xây dựng hệ thống biển báo, bảng thông tin dành cho khách du lịch trên các tuyến điểm du lịch trên rừng; gắn biển tên cây trong tuyến giáo dục môi trường nhằm cung cấp thêm thông tin cũng như nhận thức bảo tồn cho du khách.

3.4.2. Các giải pháp về cơ chế chính sách

Tổ chức ký cam kết giữa VQG với các công ty liên doanh trong việc tuân thủ các quy định về quản lý rừng đặc dụng theo Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg [5], Thông tư số 02/2018/TT - BKHĐT [1] và Nghị định 156/2018/NĐ - CP [7].

Cam kết sử dụng lao động địa phương tham gia vào hoạt động du lịch như: nhân viên, hướng dẫn viên du lịch nhằm huy động sự tham gia của cộng đồng trong hoạt động bảo tồn tài nguyên VQG.

3.4.3. Đề xuất các tuyến, điểm khai thác phát triển DLST

Căn cứ vào điều kiện thực tế của các điểm du lịch tại VQG Cát Bà; việc phát triển hoạt động DLST gắn với bảo tồn tài nguyên VQG có thể được tổ chức, sắp xếp và thực hiện theo hướng tận dụng được cơ sở vật chất sẵn có phục vụ cho tổ chức và phát triển hoạt động DLST gắn với truyền thông, giáo dục bảo tồn.

3.4.4. Phát triển nguồn nhân lực

Nâng cao nhận thức, trình độ và kỹ năng của người dân về phát triển DLST tại VQG Cát Bà: Thông qua việc tập huấn, bồi dưỡng các kỹ năng về tổ chức tham gia du lịch cho người dân. Tổ chức các buổi hội thảo, tuyên truyền về bảo về tài nguyên thiên nhiên. Tổ chức đào tạo, tập huấn cho đội ngũ nhân viên nâng cao nhận thức về giáo dục bảo tồn cũng như hoạt động bảo tồn tài nguyên VQG.

3.4.5. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về DLST

Tăng cường giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng trong nhân dân, nâng cao ý thức bảo vệ rừng của người dân, vận động các hộ gia đình sống

trong và gần rừng ký cam kết bảo vệ rừng, xây dựng và thực hiện các quy ước bảo vệ rừng. Tuyên truyền vận động các hộ gia đình làm rừng thay đổi nhận thức, tập quán kinh doanh sản xuất lâm nghiệp chuyển hướng sinh kế.

Tác động của khách du lịch cũng là tác nhân lớn đối với ĐDSH, cần có biện pháp kiểm soát lượng khách tham quan dựa vào sức chứa du lịch từng điểm. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn khách du lịch phải sát sao, thường xuyên, có hình thức xử phạt thích đáng khi cần thiết để dăn đe, giáo dục ý thức cho người dân và khách du lịch.

3.4.6. Giải pháp về huy động, sử dụng nguồn lực, khoa học và công nghệ

Khuyến khích sử dụng, ứng dụng công nghệ mới ít sử dụng tài nguyên, thân thiện với môi trường như: sử dụng năng lượng mặt trời phục vụ hoạt động du lịch.

4. KẾT LUẬN

VQG Cát Bà có tiềm năng ĐDSH để phát triển DLST thể hiện qua sự đa dạng loài thực vật (1.595 loài), động vật (357 loài) và các kiểu thảm thực vật (9 kiểu). Đây là nơi phân bố của rất nhiều loài động vật, thực vật quý hiếm (70 loài thực vật, 55 loài động vật), đặc biệt loài linh trưởng đặc hữu Voọc Cát Bà và loài bò sát Thạch sùng mí Cát Bà đã tạo cho Cát Bà có tính hấp dẫn cao trong việc tổ chức các loại hình DLST gắn với bảo tồn ĐDSH.

Bên cạnh những khó khăn trong phát triển DLST, VQG Cát Bà có nhiều cơ hội để phát triển DLST. Tuy nhiên, các tuyến và điểm DLST hiện đang khai thác mới chỉ khai thác một phần tiềm năng ĐDSH của VQG. Trong thời gian, tới VQG cần tận dụng các cơ hội và lợi thế nhằm đảm bảo phát triển DLST gắn với bảo tồn ĐDSH.

Nghiên cứu đã đưa ra được 6 giải pháp và đề xuất như: Giải pháp về qui hoạch; cơ chế chính sách; huy động, sử dụng nguồn lực, khoa học và công nghệ nhằm hướng tới phát du lịch sinh thái bền vững; đề xuất các tuyến, điểm khai thác phát triển DLST, phát triển nguồn nhân lực; đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về DLST.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2018). Thông tư số 02/2018/TT-BKHĐT, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Quyết định số 38/2016/QĐ-TTG ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2007). Sách Đỏ Việt Nam (Phần II - Thực vật). Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội

3. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2007). Sách Đỏ Việt Nam, phần I - Động vật. Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.

4. Bùi Thị Minh Nguyệt (2012). Giải pháp phát triển DLST bền vững tại VQG Ba Vì. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Số 1,Tr: 150 - 160.

5. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2006). Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành quy chế quản lý rừng.

6. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2019). Nghị định số 06/2019/NĐ - CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

7. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2018). Nghị định 156/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

8. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2019). Nghị định 64/2019/NĐ - CP ngày 16 tháng 7 năm 2019 về sửa đổi Điều 7 Nghị định số 160/2013/NĐ - CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ.

9. Convention on International Trade in Endangered Species of Wild Fauna and Flora (CITES), (2020). Decisions made on proposals to amend Appendices I and II. CoP18, Geneva (Switzerland), 17 - 28 August 2019. Downloaded on 5 may 2020.

10. Đặng Thanh Hiếu (2012). Đề án phát triển DLST VQG Cát Bà. VQG Cát Bà, Hải Phòng.

11. Đặng Huy Huỳnh, Đào Văn Tiến, Cao Văn Sung và cs. (1994). Danh lục các loài thú (Mammalia) Việt Nam. Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

12. Frost, D. R. (2019). Amphibian Species of the World: an Online Reference. Version 6.0. Available from: http://research.amnh.org/herpetology/amphibia/index.html. downloaded on April 14, 2020.

13. IUCN (2020). The IUCN Red List of Threatened Species. Version 2020-1. https://www.iucnredlist.org, downloaded on April 14, 2020.

14. Lê Vũ Khôi (2000). Danh lục các loài thú ở Việt Nam (La Tinh, Việt, Anh, Pháp, Nga). Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

15. Lê Trần Chấn và cs (1999). Những đặc điểm cơ bản của hệ thực vật Việt Nam. Nxb Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.

16. Nguyễn Xuân Đặng (2009). Nhận dạng nhanh một số loài động vật hoang dã được Công ước CITES và pháp luật Việt Nam bảo vệ. TRAFFIC Đông Nam Á, Chương trình tiểu vùng Mê Kông mở rộng, Hà Nội, Việt Nam.

17. Nguyễn Cử, Lê Trọng Khải, Karen Phillips (2005). Chim Việt Nam. Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.

18. Nguyễn Anh Dũng (2017). Bàn về nguyên tắc phát triển bền vững của ngành du lịch Việt Nam. Tạp chí Tài chính, kỳ 2: 1 - 5.

19. Nguyễn Hải Hà, Nguyễn Thị Hải Ninh (2014). Bảo tồn ĐDSH và một số giải pháp phát triển DLST ở VQG Ba Vì, Hà Nội. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp, 3: tr. 56-63.

20. Nguyễn Minh Nguyệt (2016). Tổng quan nghiên cứu về DLST. Tạp chí VHNT, số 382: tr. 1-3.

21. Nguyễn Viết Tùng (2006). Giáo trình côn trùng học đại cương. Nxb Hà Nội.

22. Nguyen Van Sang, Ho Thu Cuc, Nguyen Quang Truong (2009). Herpetofauna of Vietnam. Edition Chimaira, Frankfurt am Main.

23. Phạm Trung Lương (2007). DLST: Những vấn đề về lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam. Nxb Giáo dục, Hà Nội.

24. Phạm Văn Phúc (2018). Đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp phát triển du lịch bền vững cho VQG Cát Bà, Hải Phòng. Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Lâm nghiệp.

25. VQG Cát Bà (2012). Báo cáo tổng hợp "Đề án phát triển DLST VQG Cát Bà, Hải Phòng.

26. Uetz, P. and J. Hošek (2020). THE REPTILE DATABASE. http://www.reptile-database.org. Downloaded on april 14, 2020.

27. Wilson, D. and D. M. Reeder. (2005). Mammal Species of The World: A Taxonomic and Geographic Reference, The Johns Hopkins University Press, Baltimore, MD.

POTENTIAL BIODIVERSITY ASSESSMENT AND PROPOSING SOLUTIONS FOR ECOTOURISM DEVELOPMENT IN CAT BA NATIONAL PARK

Le Thi Ngan, Dong Thanh Hai

Summary

Cat Ba National Park is located in Cat Hai district, Hai Phong province. This place is considered to have a high biodiversity with many endangered and rare plants and animals. However, tourism activities have just implemented only at a few routes and available sites, so that have not taken full advantage of the unique biodiversity potentials of the Park. The objective of this study is to assess the current biodiversity status as well as the difficulties, opportunities and challenges for ecotourism development in Cat Ba National Park, thereby serving as a scientific basis for proposing solutions for sustainable development of ecotourism associated with biodiversity conservation in the national park. Interview method, line transect methods, SWOT tool are used in the study. The results of the study revealed that Cat Ba National Park has a biodiversity potential for ecotourism development is shown by the number of plants and animals recorded with 1,595 plant species, 357 animal species and 9 types of vegetation cover. In which, there are many endangered and rare species such as Cat Ba langur and a reptile, *Goniurosaurus catbaensis*. The results also assess the opportunities and challenges for ecotourism development and propose 6 solutions to ecotourism development associated with biodiversity conservation in Cat Ba National Park.

Keywords: *Ecotourism, biodiversity, Cat Ba National Park.*

Người phản biện: TS. Phạm Hồng Tính
Ngày nhận bài: 23/11/2020
Ngày thông qua phản biện: 23/12/2020
Ngày duyệt đăng: 30/12/2020